CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sonadezi Long Bình

Ngày 30/09/2025	37,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	**-1.1%**	**0.3%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	32,482 - 38,793
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,137
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,490
Sở hữu nước ngoài	6.9%
Beta	0.51
EPS	4,149
P/E	9.1

DT thuần
Q3/25
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -3.0%
YoY: ▲ 10.4| 10.9%

LN thuần
Q3/25
34.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.8| -31.5%
YoY: ▲ 2.70| 8.5%

LN sau thuế
Q3/25
27.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.6| -31.2%
YoY: ▲ 2.10| 8.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
34.1%
YoY: +/-▼ 14.0%

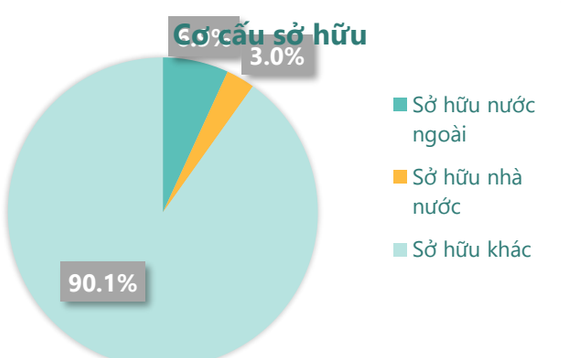
ROE (TTM)
Q3/25
18.2%
YoY: +/-▲ 1.6%

DT thuần
9T 2025
311
tỷ VNĐ
YoY: ▼100| -24.3%

LN thuần
9T 2025
125
tỷ VNĐ
YoY: ▼86.0| -40.8%

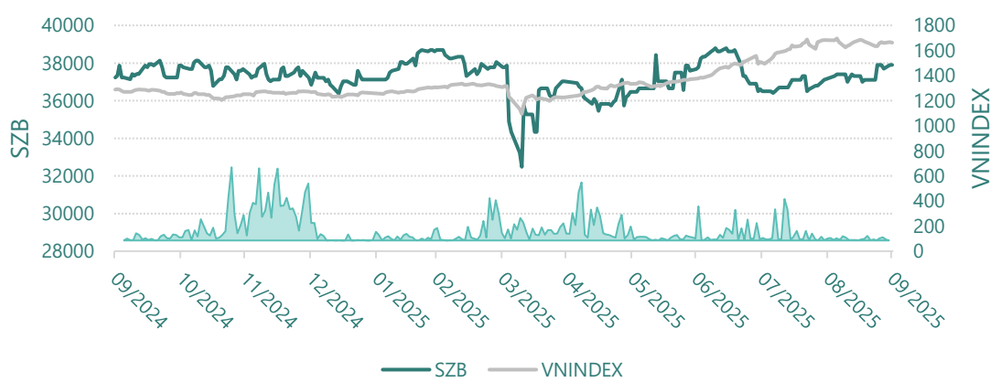
LN sau thuế
9T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▼72.0| -41.7%

Cơ cấu sở hữu

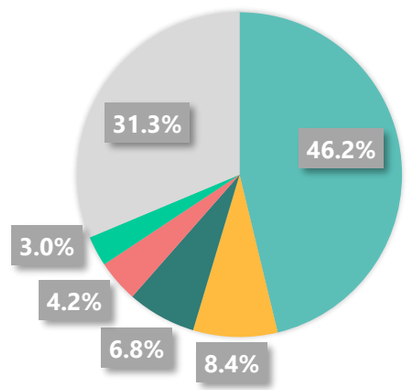


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



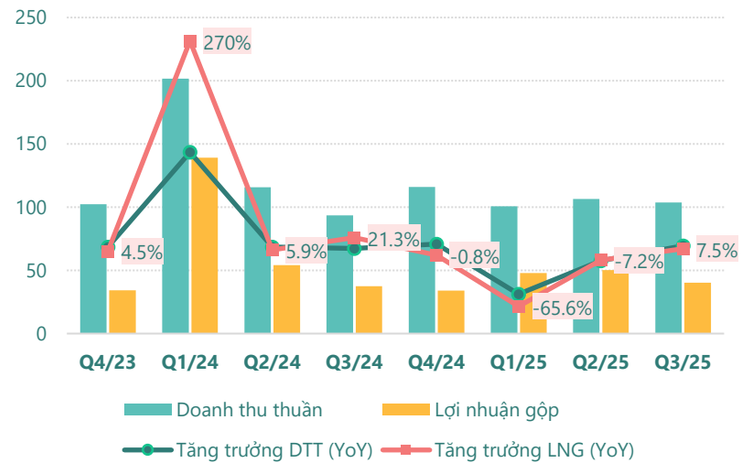
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

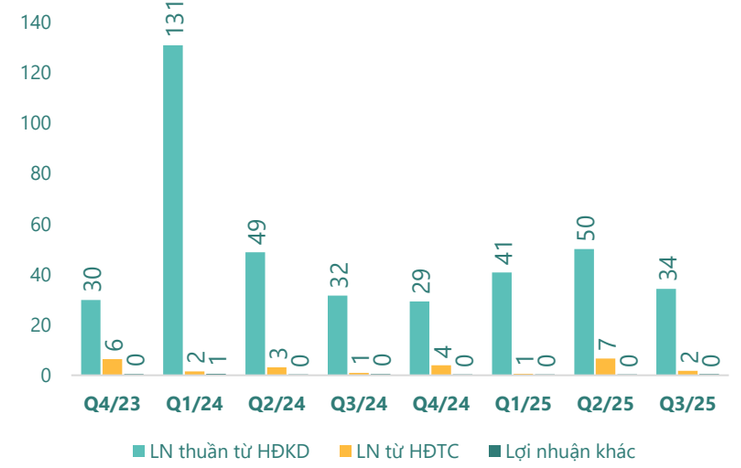
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



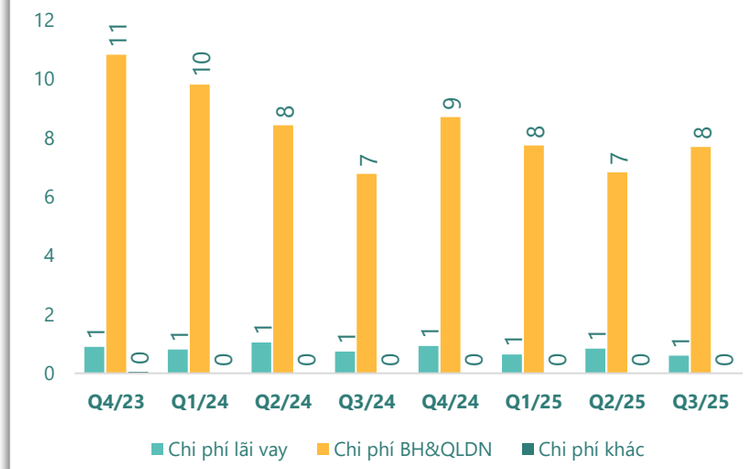
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



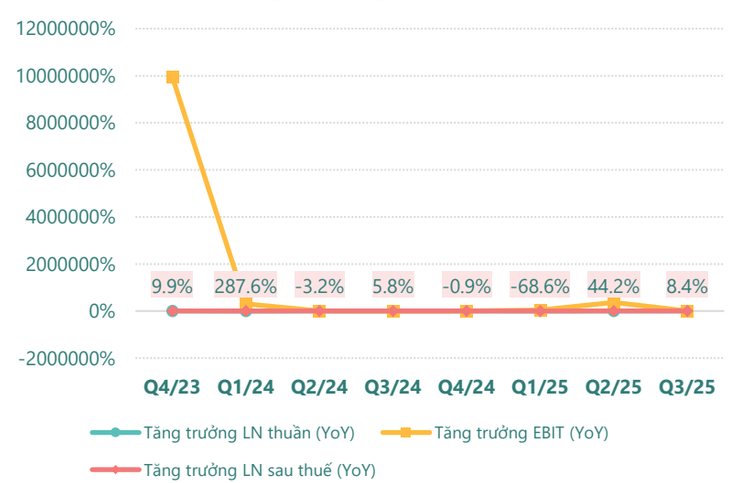
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



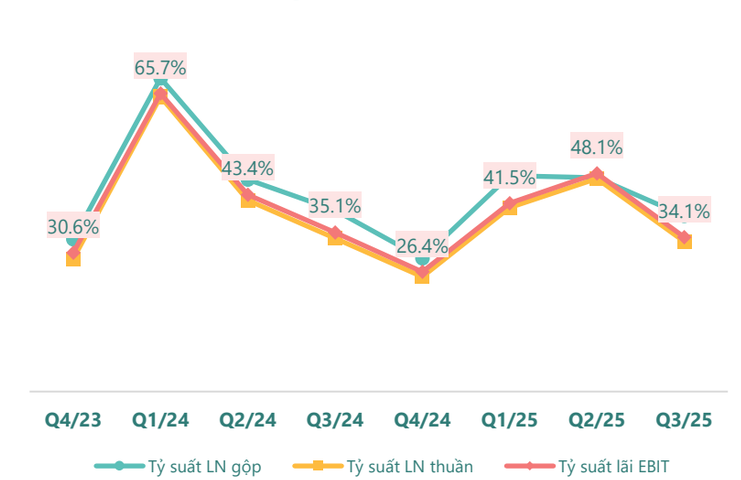
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



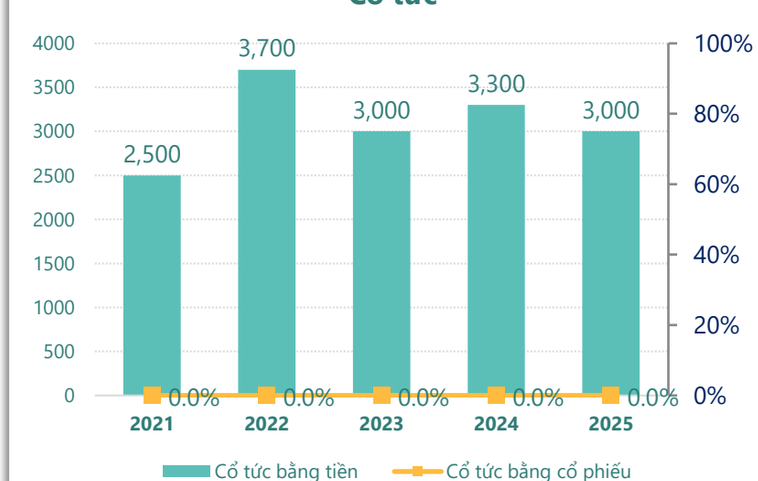
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

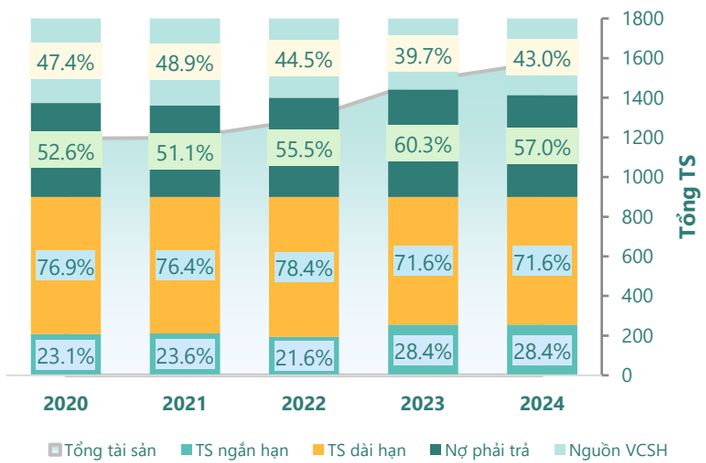
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

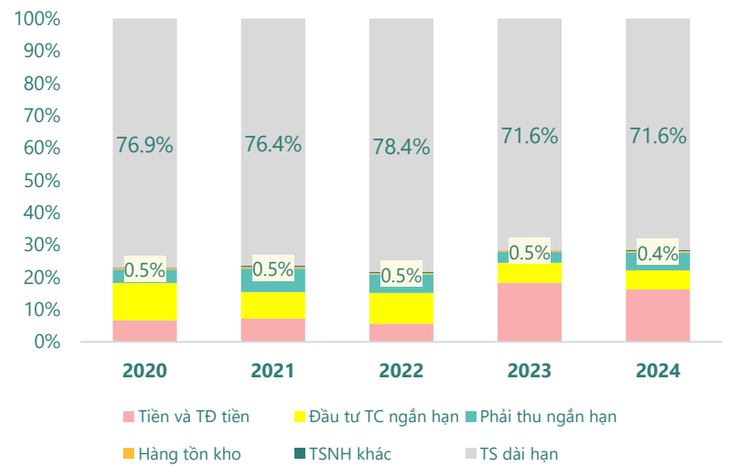
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



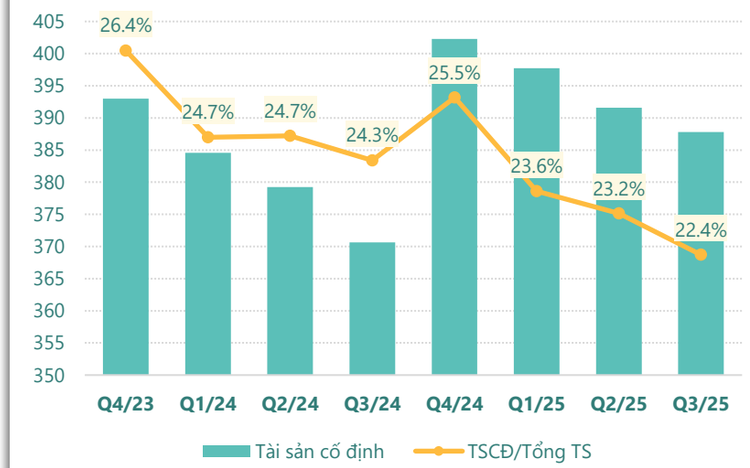
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



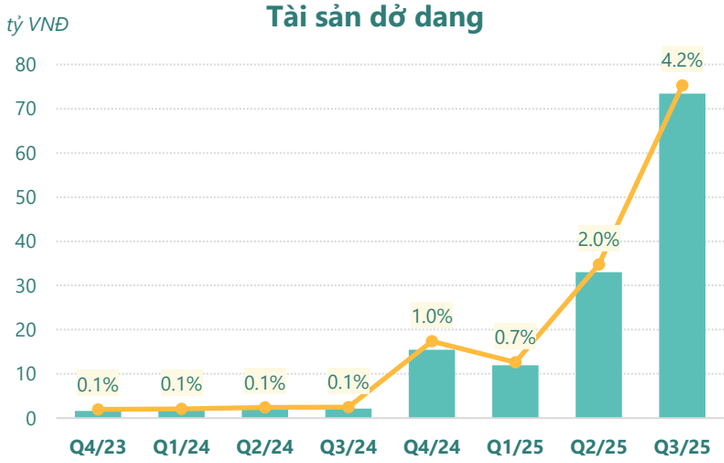
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



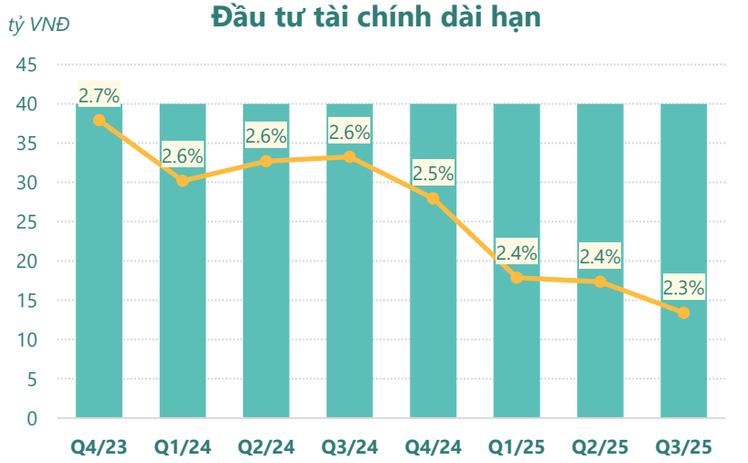
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



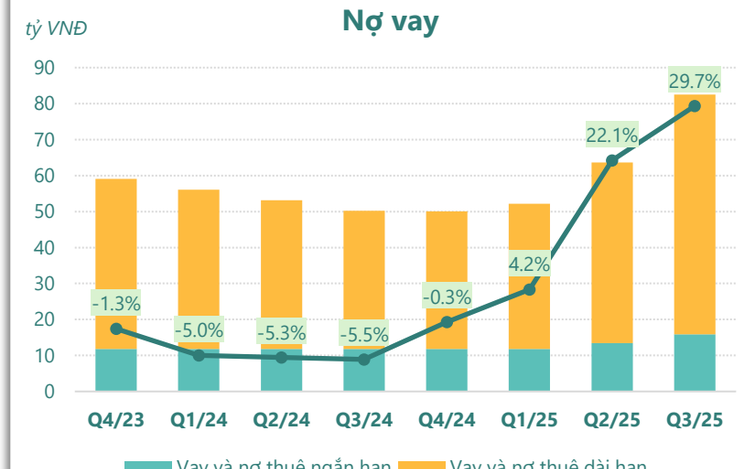
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

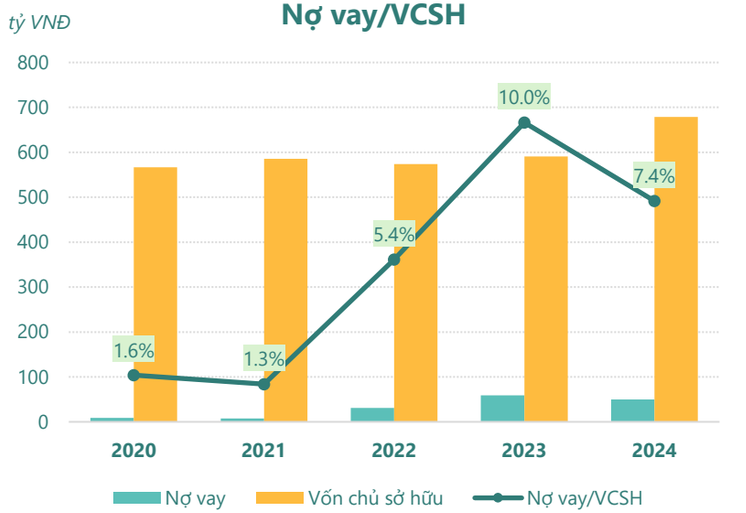
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

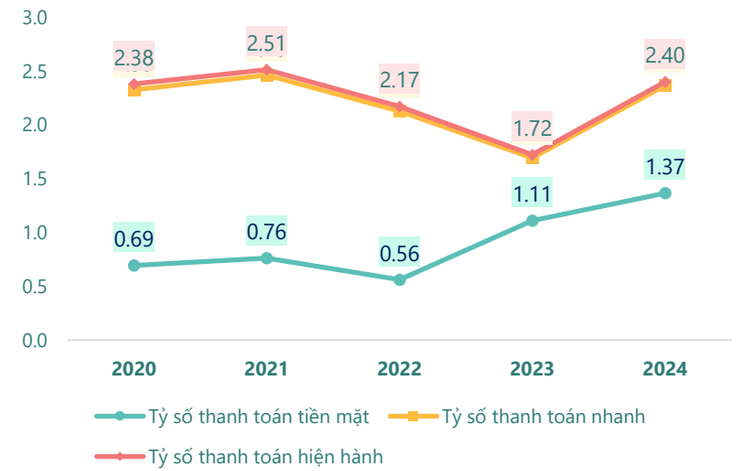
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



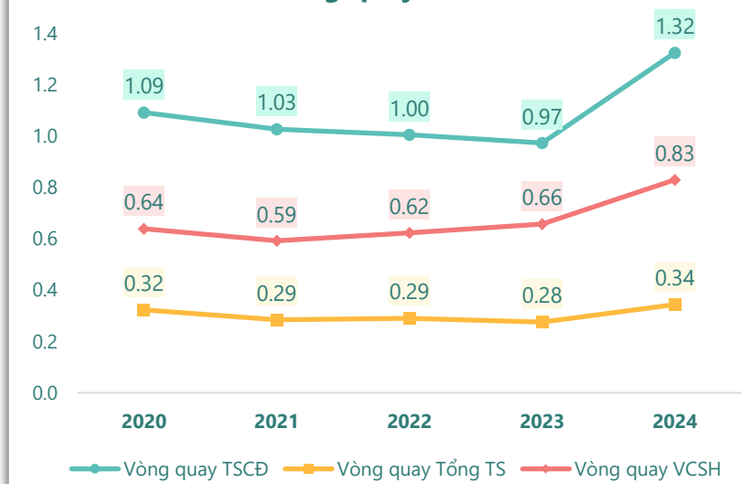
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



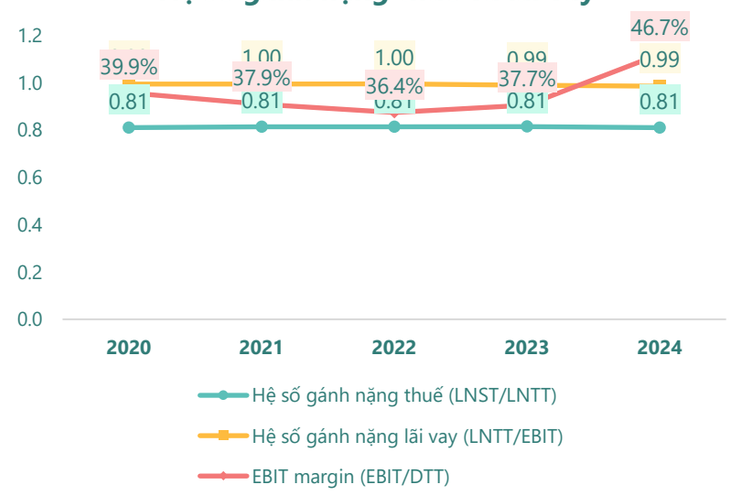
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



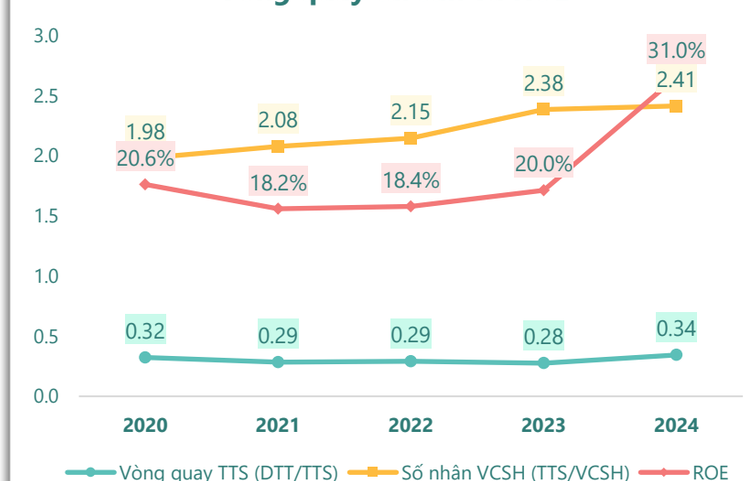
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



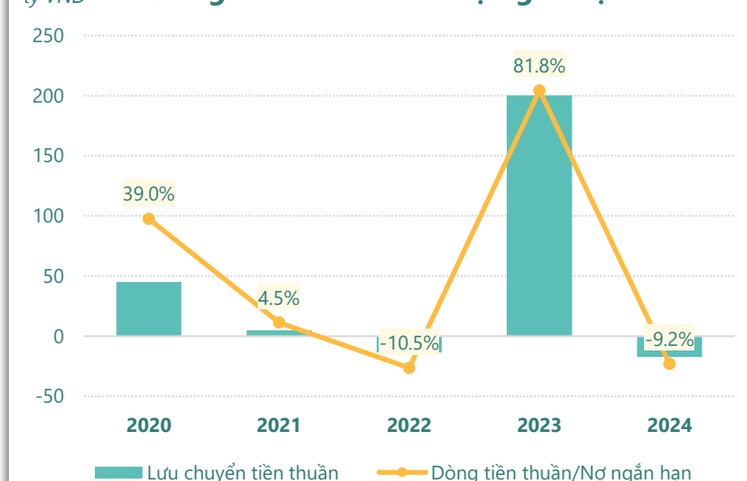
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**104**	**93.6**	**10.9%**	**311**	**411**	**-24.3%**
Giá vốn hàng bán	63.6	56.1	13.3%	173	180	-4.2%
Lợi nhuận gộp	40.2	37.4	7.5%	138	231	-40.0%
Doanh thu HĐTC	2.39	1.74	37.5%	11.2	8.32	34.1%
Chi phí TC	0.59	0.74	-19.6%	2.07	2.60	-20.4%
Chi phí lãi vay	0.59	0.74	-19.6%	2.07	2.60	-20.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.06	0.40	166%	1.96	3.86	-49.2%
Chi phí QLDN	**6.64**	**6.39**	**3.9%**	**20.3**	**21.2**	**-4.0%**
LN thuần từ HĐKD	34.3	31.6	8.5%	125	211	-40.8%
Lợi nhuận khác	**0.45**	**0.47**	**-5.2%**	**1.15**	**1.49**	**-22.7%**
LN trước thuế	34.7	32.1	8.2%	126	213	-40.7%
Lợi nhuận sau thuế	**27.7**	**25.6**	**8.4%**	**101**	**173**	**-41.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.7**	**25.6**	**8.4%**	**101**	**173**	**-41.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.3	-0.37	46.0	159	-21.4	133
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.4	57.2	-18.0	-198	-22.4	-0.46
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.95	-71.9	-30.2	2.09	11.5	-71.1
Tiền đầu kỳ	348	272	257	255	218	186
Lưu chuyển tiền thuần	**-75.7**	**-15.1**	**-2.12**	**-36.8**	**-32.3**	**61.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	272	257	255	218	186	248

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,733**	**1,578**	**9.8%**
Tài sản ngắn hạn	575	448	28.3%
Tiền và tương đương tiền	248	255	-2.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	93.5	133%
Phải thu ngắn hạn	93.4	87.7	6.5%
Hàng tồn kho	5.92	6.16	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	5.72	80.8%
Tài sản dài hạn	**1,158**	**1,130**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	89.6	89.6	0.0%
Tài sản cố định	388	402	-3.6%
Bất động sản đầu tư	102	108	-5.7%
Tài sản dở dang	73.4	15.5	375%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**465**	**474**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,053	899	17.1%
Nợ ngắn hạn	**286**	**187**	**53.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	11.8	34.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	52.3	-67.3%
Nợ dài hạn	768	713	7.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.6	38.2	74.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**679**	**679**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**679**	**679**	**0.1%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)